



«PHÁT TRIỂN XANH» – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020

GS.TS. CHU VĂN CẤP

Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã ghi: “Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế ... Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường”.

Đó chính là đường lối, chủ trương của Đảng về “phát triển xanh” – phát triển bền vững.

Từ khoá: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phát triển bền vững, “phát triển xanh”

1. VN hội nhập vào xu thế “phát triển xanh” – phát triển bền vững

“Phát triển xanh” (PTX) – phát triển bền vững (PTBV) là một thuật ngữ xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980. Từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX (năm 1987) nó được phổ biến rộng rãi, trở thành một đề tài được thế giới không những quan tâm đặc biệt mà còn tập trung nhiều sức lực, trí tuệ để thực hiện.

“PTX” – PTBV là “sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại, mà không ảnh hưởng, tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”. PTBV là sự phát triển tổng hợp, toàn diện, có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà 3 mặt của sự phát triển đó là: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu của đời sống con người trong hiện tại, mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai.

“PTX” – PTBV đang là mục

tiêu hướng tới của nhiều quốc gia trên thế giới, nó đã trở thành xu thế phát triển khách quan của thế giới ngày nay và cũng là thách thức đối với những quốc gia trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Bởi trên thực tế, một số quốc gia muốn tăng trưởng kinh tế quá nhanh, chọn cách phát triển thiên càn miễn sao tăng thu nhập hiện tại mà không tính đến những hậu quả lâu dài của cách phát triển đó đến môi trường sinh thái, làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, đến tình trạng gia tăng khoảng cách giàu nghèo, bất công xã hội và mất ổn định chính trị - xã hội. Nhiều quốc gia tăng trưởng kinh tế nhanh, song dân chúng vẫn ở trong tình trạng đói nghèo, xét ở các góc độ như: trình độ học vấn, sức khỏe, tuổi thọ, việc làm, thu nhập, thất nghiệp, điều kiện sống trước mắt và lâu dài của dân cư ... Nói theo Chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP) thì đó là loại hình tăng trưởng xấu.

Việc lựa chọn con đường, biện

pháp, thể chế, chính sách đảm bảo PTX-PTBV, là mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia trên con đường phát triển. VN đã sớm hội nhập vào con đường PTX - PTBV. Đại hội lần thứ VII của Đảng thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000, đã nhấn mạnh: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường”. Đại hội lần thứ VIII đến lần thứ XI tiếp tục khẳng định và hoàn thiện quan điểm của Đại hội VII. Đại hội lần thứ XI của Đảng đã nêu rõ quan điểm “Phát triển nhanh gắn với PTBV, PTBV là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020. Rõ ràng là trong đường lối phát triển theo định hướng XHCN ở VN, khái niệm “định hướng XHCN” chỉ có ý nghĩa thực tiễn khi mang nội hàm PTX - PTBV, vì sự tiến bộ xã hội, sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi cá nhân.

Như vậy, quan điểm “PTX” – PTBV đã sớm được Đảng đề ra với nội dung ngày càng hoàn thiện và đã trở thành chủ trương, đường lối phát triển đất nước.

Mục tiêu tổng quát của PTBV mà VN đã xác định là đạt được đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hoá, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hoà giữa con người và tự nhiên, phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà cả mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Định hướng Chiến lược PTBV ở VN dựa trên nguyên tắc: Con người là trung tâm của sự PTBV và bảo vệ môi trường phải được coi là yếu tố không thể tách rời với quá trình phát triển và là sự nghiệp của toàn dân.

2. Nội hàm của “PTX” – PTBV trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020

Bao gồm các nội dung chủ yếu: “PTBV về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an ninh kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”¹.

Từ đó, cần phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng của VN đã thực thi trong hơn 25 năm qua theo hướng: Chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa trên lao động giá rẻ và đầu tư vốn lớn sang mô hình dựa trên các yếu tố tăng trưởng theo chiều sâu; chuyển từ mô hình tăng trưởng không chỉ dựa vào việc khai thác những lợi thế sẵn có (lao động và tài nguyên) để thực hiện tăng trưởng nhanh trong ngắn hạn sang mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở nâng cấp các lợi thế, tạo dựng lợi thế mới dựa trên các tiêu chí nâng cao năng suất, hiệu quả cao và sức cạnh tranh lớn; chuyển từ mô hình tăng trưởng có dấu hiệu vi phạm nguyên tắc bảo vệ môi trường và có những tiêu cực về xã hội sang mô hình tăng trưởng mang tính bền vững trong dài hạn với mục tiêu thân thiện với môi trường và vì sự phát triển của con người. Nói ngắn gọn, nội dung cơ bản của mô hình tăng trưởng của VN giai đoạn 2011-2020 là sự kết hợp giữa tăng

trưởng theo chiều rộng với tăng trưởng theo chiều sâu, trong đó tăng trưởng theo chiều sâu là hướng đi chính, kết hợp chặt chẽ tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

Thực hiện có hiệu quả mô hình tăng trưởng này là điều kiện quyết định để nước ta có thể thoát khỏi tình trạng rơi vào “bẫy” các nước có mức thu nhập trung bình (tức là tình trạng không thoát khỏi mô hình kinh tế dựa trên sức lao động giá rẻ và phương pháp sản xuất với công nghệ thấp) và bước lên một nấc thang phát triển mới một cách bền vững.

3. Hiện thực hoá các nội dung của PTX-PTBV

Để hiện thực hoá các nội dung của PTX-PTBV và chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, cần tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp cơ bản sau đây:

3.1. Bằng nhiều giải pháp và sức mạnh tổng hợp của quốc gia:

Kiên quyết giữ vững độc lập tự chủ, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, tạo môi trường hoà bình, ổn định và các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển đất nước. Đây là giải pháp hàng đầu có tính quyết định nhất cho sự PTBV, đồng thời cũng là 1 lợi thế của đất nước. Đồng thời phải đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế, bảo đảm an ninh kinh tế (lương thực, năng lượng, tài chính).

3.2. Thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế với nội dung chính:

(1) Tái cấu trúc các ngành sản xuất, dịch vụ gắn với các vùng kinh tế, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ để giảm “tính gia công”,

giảm nhập khẩu nguyên liệu, phụ kiện và giảm phụ thuộc vào nước ngoài, tăng dần các sản phẩm chế biến sâu có giá trị gia tăng cao trong các ngành chế biến nhằm nâng cao hiệu quả và bền vững của tăng trưởng kinh tế. Định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ phải dựa trên các nguyên tắc: hiệu quả và tính cạnh tranh, không dàn trải và bảo đảm an ninh nguyên liệu.

(2) Tái cấu trúc doanh nghiệp, xây dựng lực lượng doanh nghiệp trong nước với nhiều doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao, mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước¹.

(3) Điều chỉnh chiến lược thị trường: Coi trọng hơn thị trường trong nước, đi đôi với tiếp tục đa dạng hoá, mở rộng, thị trường nước ngoài, cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính”².

Theo đó, vấn đề quan trọng là tái cấu trúc cơ cấu đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Tái cấu trúc cơ cấu đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; phân đầu trong giai đoạn 2011-2015 giảm tỷ trọng đầu tư công xuống 37-39%, khối tư nhân tăng lên 45-46%. Tái cấu trúc cơ cấu đầu tư theo hướng: (i) Tăng cường đầu tư theo chiều sâu đối với các yếu tố nguồn lực làm nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững trong dài hạn (tăng cường đầu tư cho xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật; tăng cường đầu tư cho phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ); (ii) Tăng dần tỷ trọng đầu tư vốn từ thành phần ngoài nhà nước (bao gồm kinh tế

tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), giảm tỷ trọng đầu tư từ vốn nhà nước.

Nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn vốn nhà nước. Hiện tại và tương lai, tỷ lệ vốn huy động cho đầu tư từ nguồn vốn nhà nước vẫn còn lớn. Tuy nhiên, công tác quản lý vốn đầu tư và xây dựng từ vốn nhà nước vẫn còn nhiều yếu kém. Do đó, việc nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát vốn nhà nước, cần: Tăng cường và đổi mới công tác quản lý nhà nước về đầu tư; đổi mới quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng và nâng cao ý thức trách nhiệm, phẩm chất, đạo đức cho cán bộ công chức làm việc trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng từ nguồn vốn nhà nước.

Thực hiện tốt nhóm giải pháp này, chẳng những nâng cao được chất lượng tăng trưởng, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế, hạn chế được những tác động tiêu cực trước những biến động từ bên ngoài, bảo đảm cho đất nước PTBV, mà còn tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu - một xu thế phát triển trong nền kinh tế toàn cầu và hội nhập quốc tế.

3.3. Phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

(1) Phát triển văn hoá

Văn hoá hiện hữu trong tất cả mọi mặt đời sống con người, nó là những gì do con người và vì con người. Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là yếu tố làm nên giá trị ổn định, lâu bền của một quốc gia, hình thành bản sắc riêng của một dân tộc. Văn hoá tạo nên nguồn lực xã hội to lớn thấm sâu vào quá trình phát triển. Văn hoá không chỉ là kết quả của sự phát

triển nhanh, bền vững, mà còn là yếu tố tạo nên sự phát triển nhanh, bền vững. Yêu cầu của PTBV là phải phát triển văn hoá ngang tầm và hài hoà với phát triển kinh tế.

Phát triển văn hoá theo tinh thần Đại hội lần thứ XI của Đảng là: Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, và tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hoá để văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, tạo ra động lực để thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc VN xã hội chủ nghĩa.

(2) Phát triển xã hội

Quan điểm khoa học, toàn diện về sự phát triển xã hội, đòi hỏi phải xem xét sự phát triển xã hội trong sự thống nhất giữa trình độ phát triển của lực lượng sản xuất tương ứng với quan hệ sản xuất và trình độ phát triển con người thông qua việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Tiến bộ, công bằng xã hội là một nội dung quan trọng của PTBV, đồng thời còn là tiêu chí thể hiện bản chất của chế độ ta. Tiến bộ xã hội (TBXH) được thể hiện rõ nhất ở lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế. Công bằng xã hội (CBXH) là một biểu hiện của TBXH, là mục tiêu phấn đấu của nước ta: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nó là tiêu chí và cũng là động lực của sự phát triển.

Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng đã ghi: “Phải coi trọng kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội”³. Đồng thời chỉ rõ: “Thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội

1, 2 Đảng Cộng sản VN: Văn kiện Hội nghị lần thứ ba BCHTW, NXB CTQG, H.2011, tr.40.

3, 4 Đảng Cộng sản VN: Văn kiện Đại hội XI, NXB CTQG, H.2011, tr.181 và 227.

trong từng bước và từng chính sách phát triển”⁴.

Phát triển kinh tế gắn bó với phát triển xã hội hướng đến mục tiêu phát triển con người, thực hiện tiến bộ, CBXH, đòi hỏi:

Thứ nhất, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Đây là biện pháp tích cực và cơ bản để thực hiện CBXH. Tạo việc làm và tăng thu nhập cần được triển khai một cách đồng bộ, trong đó nhấn mạnh: tạo điều kiện cho người dân làm giàu trên mảnh đất của mình bằng chính sách hỗ trợ của Nhà nước, và công nghệ tiên tiến với

tối thiểu của người lao động, điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng đối với khu vực doanh nghiệp, tiến tới thực hiện mức lương tối thiểu thống nhất các loại hình doanh nghiệp theo cam kết quốc tế (WTO); tách bạch tiền lương của khu vực hành chính với khu vực sự nghiệp; chống chủ nghĩa bình quân trong chính sách tiền lương bằng cách mở rộng quan hệ mức lương tối thiểu – trung bình, tối đa, thu hẹp thang, bảng lương, bậc lương, hoàn thiện các chế độ phụ cấp gộp vào tiền lương.

Thứ hai, gắn tăng trưởng với xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tiếp tục thực hiện Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo.

Để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2%-3%/năm vào năm 2020 như Đại hội lần thứ XI của Đảng đề ra, cần triển khai đồng bộ hệ thống các biện

pháp: (i) Thực hiện nghiêm ngặt chương trình mục tiêu quốc gia về dân số và kế hoạch hoá gia đình, bảo đảm tốc độ tăng dân số ổn định 1,1% (thời kỳ 2011-2020). Đây là vấn đề cốt lõi của chính sách tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; và (ii) Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giáo dục – đào tạo, về nước sạch và môi trường nông thôn, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn (Chương trình 135 giai đoạn II).

Thứ ba, đổi mới, phát triển nhanh chất lượng giáo dục, đào tạo và phát triển mạnh sự nghiệp y tế chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

Chiến lược phát triển của VN luôn luôn xuất phát từ con người, coi con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Phải chăm lo “xây dựng con người VN giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân cao, có tri thức, có sức khoẻ, lao động, lao động giỏi, sống có văn hoá, nghĩa tình, có tinh thần quốc tế chân chính”⁵.

Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân theo hướng:

- Chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế;

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp;

- Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và trung học với chất lượng ngày càng cao;

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp, bậc học;

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.

- Phát triển, nâng cao chất lượng dạy nghề và giáo dục chuyên nghiệp, tăng cường đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động, nhất là lao động ở khu nông nghiệp, nông thôn. Phân đầu đến năm 2015 lao động qua đào tạo chiếm 55% và đến năm 2020 đạt trên 70% tổng số lao động xã hội. Hoàn thiện pháp luật về dạy nghề, ban hành chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, đào tạo giáo viên, hỗ trợ kết cấu hạ tầng ... nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào đào tạo nghề. Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng dạy và học nghề, gắn đào tạo với nhu cầu thực tế.

⁵: Đảng Cộng sản VN: Văn kiện Đại hội XI, NXB CTQG, H.2011, tr.40.



phương châm “làm giàu để xoá đói nghèo”; khuyến khích người lao động tự tạo việc làm một cách chính đáng; phát triển lành mạnh các hoạt động dịch vụ việc làm; dịch vụ lao động, với mục tiêu phấn đấu đến năm 2015 giải quyết việc làm cho 8 triệu lao động.

Cùng với những vấn đề nêu trên là hoàn thiện chính sách tiền lương và thu nhập, theo hướng: Từng bước tách chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách ưu đãi người có công với nước tương đối độc lập với chính sách tiền lương; thiết lập đồng bộ các loại thị trường hàng hoá, dịch vụ, bất động sản ... Các thị trường này phải hoạt động lành mạnh, có hiệu quả; nâng lương tối thiểu chung đảm bảo mức sống

- Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng khó khăn, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt bình đẳng về cơ hội học tập và các chính sách xã hội trong giáo dục.

Cùng với vấn đề trên, phải phát triển nhanh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế... đảm bảo an sinh xã hội, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp xã hội, cứu trợ xã hội đa tầng và linh hoạt. Đây cũng là biện pháp góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thực hiện những giải pháp nêu trên sẽ tạo tiền đề, điều kiện để phát triển kinh tế bền vững, hài hoà với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội theo định hướng XHCN.

3.4. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 đã nêu ra các mục tiêu về bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường là: Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng đạt 45% (kể cả diện tích cây công nghiệp lâu năm); hầu hết cư dân thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh. Các cơ sở sản xuất kinh doanh mới thành lập phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các cụm, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung. 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn. Cải thiện và phục hồi môi

trường các khu vực bị ô nhiễm nặng, hạn chế tác hại của thiên tai; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng”⁶.

Các giải pháp cần thực hiện:

(1) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường. Gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường.

(2) Hoàn thiện và bổ sung thể chế, pháp luật về bảo vệ và chống ô nhiễm môi trường.

Tập trung triển khai có hiệu quả Luật bảo vệ môi trường, Luật đa dạng sinh học, Luật tài nguyên nước, Luật khoáng sản, sửa đổi Luật đất đai, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật thuế tài nguyên... Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách về tài nguyên và môi trường, cần có chế tài nghiêm khắc như: Cấm hoạt động đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, kiên quyết xử lý các vi phạm về môi trường của các tổ chức, cá nhân...

(3) Những biện pháp sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên.

- Tăng cường phát triển khoa học kỹ thuật cao nhằm sử dụng các nguồn tài nguyên một cách hợp lý, khoa học và hiệu quả cao. Các khoa học kỹ thuật cao ngày nay coi trọng đến hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm chi phí và phát thải, phát triển nguyên liệu mới thay thế cho nguyên liệu truyền thống đang bị cạn kiệt.

- Trong quá trình phát triển công nghiệp và đổi mới kỹ thuật yêu cầu đặt ra là khởi điểm kỹ thuật phải cao, phù hợp với yêu cầu hiện đại hoá, phải lựa chọn công nghệ kỹ thuật tiêu hao ít nguyên, nhiên, vật liệu, ít gây ô nhiễm hiệu quả cao;

chú trọng phát triển kinh tế xanh thân thiện với môi trường, nghiên cứu thực hiện mô hình tăng trưởng các bon thấp; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển “năng lượng sạch” (năng lượng mặt trời, điện gió...) “sản xuất sạch”, “tiêu dùng sạch”.

- Chuyển đổi cơ cấu xuất khẩu theo hướng hiệu quả và bền vững, tức là chuyển từ xuất khẩu sản phẩm thô sang xuất khẩu sản phẩm chế biến có dung lượng vốn và chất lượng cao, tăng dần tỷ trọng hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao hạn chế và tiến tới không xuất khẩu tài nguyên chưa qua chế biến.

- Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm (là hướng chủ đạo các nguồn tài nguyên: đất đai, nước và khoáng sản...)

(4) Các biện pháp liên quan đến bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường sinh thái và đối phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

- Xây dựng và triển khai các dự án lớn nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước cải thiện môi trường tại các lưu vực sông chính (sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Cầu, sông Đáy, sông Nhuệ...); các khu đô thị lớn, như: Hà Nội, TP.HCM, Hải Phòng, Hạ Long..., và các khu công nghiệp tập trung.

- Bảo vệ môi trường biển, hải đảo và phát triển tài nguyên biển. VN có 3.260 km bờ biển, cao gấp 6 lần tỷ lệ này của thế giới. Diện tích biển thuộc chủ quyền, quyền tài phán quốc gia khoảng 1 triệu km², gấp 3 lần lãnh thổ trên đất liền, có gần 3.000 hòn đảo ven bờ và 2 quần đảo: Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền không thể tranh cãi của VN.

Các vùng biển, đảo nằm trên

6: Đảng Cộng sản VN: Văn kiện Đại hội lần thứ XI, NXB CTQG, H.2011, tr.105-106.